

Dự báo về

KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2003

Cả nước ta đã bước vào thực hiện nhiệm vụ năm 2003 được 6 tháng với một khí thế mới, chủ động, sáng tạo, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức. Phát huy kết quả đạt được từ cuối năm 2002, kinh tế xã hội nước ta trong 5 tháng đầu năm 2003 vẫn tiếp tục duy trì khả năng phát triển khá. GDP quý I tăng 6,9%, quý II tiếp tục theo chiều hướng phát triển tích cực, trong đó nổi bật là sản xuất công nghiệp tăng khá cao, kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh, thu ngân sách nhà nước có nhiều tiến bộ. Một số mặt xã hội có chuyển biến tích cực, nổi bật là việc khống chế và kiểm soát được dịch bệnh SARS, giải quyết ùn tắc và tai nạn giao thông có nhiều tiến bộ.

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Sản xuất công nghiệp tiếp tục đạt được nhiều tiến bộ trong chuyển dịch cơ cấu sản xuất. Giá trị sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm tăng 15,6%, cao hơn kế hoạch cả năm là 14,5% và cao hơn so với cùng kỳ nhiều năm trước đây (2001: 14%, 2002: 14%). Sản xuất công nghiệp đã dẫn đi vào thế ổn định, phát triển có chất lượng, nhiều sản phẩm chủ yếu đạt mức tăng cao và tiêu thụ tốt.

Ngành nông nghiệp tiếp tục khắc phục những tác động không thuận về thời tiết, có bước chuyển dịch đáng kể trong cơ cấu sản xuất. Một số diện tích trồng cây lương thực có năng suất

thấp được chuyển sang nuôi trồng cây con khác có hiệu quả hơn. Các vùng cây công nghiệp cũng đã được cơ cấu lại cây trồng, phát triển nuôi trồng thủy sản, nhất là tôm đang nổi lên như là một mũi nhọn trong khu vực I.

Các ngành dịch vụ phát triển khá. Lưu thông hàng hóa thị trường nội địa tăng 10,2% so cùng kỳ. Dịch vụ bưu chính viễn thông tăng nhanh với doanh thu tăng 6%. Tuy nhiên hàng không và du lịch đã bị tác động nặng nề của dịch bệnh SARS, gần đây tình hình đang được cải thiện.

Hoạt động xuất khẩu mặc dù bị ảnh hưởng của chiến tranh Iraq vẫn duy trì được mức tăng trưởng cao, kim ngạch xuất khẩu 5 tháng tăng 31,3% so với cùng kỳ năm trước. Các mặt hàng có kim ngạch tăng cao là giày dép, dây điện và cáp điện, sản phẩm gỗ, thủy sản, máy vi tính và linh kiện, hạt điều, gạo. Đặc biệt hàng dệt may sang Hoa kỳ tăng trưởng rất cao.

Kim ngạch nhập khẩu 5 tháng ước đạt 10 tỷ USD, tăng 38,9% so cùng kỳ 2002, trong đó các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 3,4 tỷ USD, tăng 40%. Các mặt hàng nhập khẩu có tốc độ tăng trưởng cao trong 5 tháng đầu năm là linh kiện và phụ tùng ô tô, linh kiện xe máy, máy vi tính và linh kiện, vải, tân dược, máy móc thiết bị phụ tùng, nguyên liệu dệt may da, hóa chất, phân bón, xăng dầu. Mức nhập siêu trong 5 tháng đầu năm ước khoảng 26,7% kim ngạch

xuất khẩu. Trong đó các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập siêu 969 triệu USD, bằng 45,9% mức nhập siêu của cả nước. Đây là mức nhập siêu cao, chủ yếu tập trung vào một số mặt hàng máy móc thiết bị và nguyên vật liệu sản xuất.

Các nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, nhất là nguồn vốn đầu tư của tư nhân đã được huy động khác, các công trình xây dựng trọng điểm đã được bảo đảm tiến độ. Ước thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội 5 tháng khoảng 77.400 tỷ đồng bằng 36% kế hoạch năm. Vốn huy động khu vực dân cư khoảng 21,3 nghìn tỷ đồng, bằng 36,7% kế hoạch. Riêng trong 4 tháng đầu năm 2003 có thêm 7.657 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với số vốn đăng ký trên 16.000 tỷ đồng, tăng 7% về số doanh nghiệp và tăng 69,6% về số vốn đăng ký. Vốn đầu tư nước ngoài khoảng 900 triệu USD (tương đương 14,8 nghìn tỷ đồng), bằng 41% kế hoạch và tăng 7% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách nhà nước tiếp tục tăng khá. Tổng thu ngân sách 5 tháng đầu năm 2003 ước đạt 42,4% dự toán năm, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2002; riêng thu nội địa (không kể dầu thô) tăng 14,4% so với cùng kỳ, bằng 41,3% dự toán năm.

Chi ngân sách Nhà nước bằng 37,1% dự toán năm, tăng 16,2% so với cùng kỳ; trong đó chi đầu tư phát triển bằng 35,4% dự toán năm, tăng 8,7% so với cùng kỳ.

Giá cả một số mặt hàng tiêu dùng như xăng dầu, thép, xi măng, phân bón, giá cước vận chuyển, giá thuốc chữa bệnh đến nay đã ổn định trở lại. Chỉ số giá tiêu dùng trong 5 tháng đầu năm ước tăng 2,4% so với tháng 12 năm 2002 (cùng kỳ năm 2,8%).

Ước 5 tháng đầu năm 2003, giải quyết việc làm cho khoảng 50 vạn lao

đồng, bằng 33,3% kế hoạch năm. Một số địa phương giải quyết việc làm khá là thành phố Hồ Chí Minh (7 vạn lao động), Hà Nội (4 vạn lao động), Đồng Nai (4 vạn lao động), Hải Phòng (1,2 vạn lao động).

Xuất khẩu lao động 5 tháng ước đạt 35 nghìn người, trong đó đi Malaysia khoảng 20.000 lao động; Đài Loan 8.170 lao động; Hàn Quốc 1.900.

Bên cạnh những kết quả đạt được trên đây, tình hình kinh tế xã hội vẫn còn nhiều tồn tại, yếu kém cần phải khắc phục trong thời gian tới: Tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy đạt được mức cao, tăng khoảng 7%, nhưng vẫn còn thấp so với mức kế hoạch đề ra cho cả năm 2003 là 7-7,5%, đòi hỏi phải nỗ lực hơn trong các quý còn lại để đạt được mục tiêu đề ra.

II. DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2003

Những thuận lợi cơ bản do kế thừa những thành tựu phát triển kinh tế xã hội các năm trước mang lại, nhất là của năm 2002, đã được phát huy triệt để trong những tháng đầu năm, đồng thời những khó khăn tồn tại đã từng bước được khắc phục.

Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước hiện nay đang xuất hiện những diễn biến mới, phức tạp hơn, đan xen những mặt thuận và không thuận tác động đến tình hình kinh tế - xã hội và đời sống dân cư trong thời gian tới. Những nhân tố thuận lợi là rất lớn, cần được phát huy triệt để. Đồng thời phải hạn chế tối đa những tác động không thuận, chủ động đối phó với tình hình hạn hán, lũ lụt... Có thể sơ bộ dự báo khả năng thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2003 như sau:

1. Dự báo khả năng thực hiện các chỉ tiêu về phát triển kinh tế

Về sản xuất công nghiệp, trên cơ



Bộ trưởng Vũ Hồng Phúc phát biểu khai mạc Hội nghị toàn quốc ngành Kế hoạch và Đầu tư triển khai xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004

sở thực hiện chuyển đổi nhanh cơ cấu sản phẩm trong từng ngành hàng, tập trung đẩy mạnh sản xuất trong ngành, những sản phẩm có lợi thế về cạnh tranh và đang có thị trường tiêu thụ, đồng thời tích cực tổ chức sản xuất hợp lý để giảm chi phí sản xuất, tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu trong nước có chất lượng tương đương nhưng giá rẻ hơn để sản xuất cho tiêu dùng và xuất khẩu, nâng cao giá trị gia công các mặt hàng xuất khẩu, dự báo giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp năm 2003 tăng 14,5 - 15% so với năm 2002, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch là 14 - 14,5%); việc thực hiện tốt các biện pháp giảm chi phí sản xuất có thể làm cho giá trị gia tăng (GDP) ngành công nghiệp tăng khoảng trên 10%.

Về phát triển nông nghiệp, việc tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp chuyển đổi cơ cấu sản xuất cây trồng và vật nuôi, phát huy tinh chủ động trong phòng chống thiên tai; tiếp tục mở rộng việc cho vay vốn để phát triển sản xuất, sẽ tạo khả năng phát triển nông nghiệp tốt hơn trong các tháng cuối năm. Dự báo giá trị sản

xuất toàn ngành nông, lâm, ngư nghiệp năm 2003 tăng khoảng 5% so với năm 2002, đạt kế hoạch đề ra (kế hoạch là 5%); trong đó nông nghiệp tăng khoảng 3,1%, lâm nghiệp tăng 1,6%, thủy sản tăng 14,2%. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp có thể sẽ còn gặp nhiều khó khăn do hậu quả của các đợt hạn hán kéo dài. Giá lúa, gạo, cao su, cà phê... có thể diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển của ngành.

Về các hoạt động dịch vụ, mặc dù gặp nhiều khó khăn do môi trường quốc tế không thuận lợi, ảnh hưởng của dịch viêm đường hô hấp cấp còn tương đối nặng nề, nhưng nếu như trong những tháng tới, thực hiện tốt các giải pháp chuyển dịch mạch cơ cấu các ngành dịch vụ, tập trung phát triển các ngành dịch vụ có khả năng đóng góp lớn cho ngân sách Nhà nước như mở rộng mạng lưới thương nghiệp; phát triển du lịch, dịch vụ tài chính, ngân hàng, vận tải, bưu chính viễn thông; quản lý chặt chẽ thị trường bất động sản, khuyến khích mạnh các dịch vụ phục vụ SEAGAMES... thì có

nhiều khả năng dịch vụ tiếp tục duy trì được tốc độ phát triển khá. Dự báo giá trị các ngành dịch vụ tăng khoảng 7% so với 2002, bằng mức thấp của kế hoạch (kế hoạch là 7-7,2%).

Về xuất khẩu, trên cơ sở các ngành, các cấp, các địa phương tổ chức triển khai tốt các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu đã đề ra, tập trung khai thác tốt nguồn hàng như thủy sản, gạo, cà phê; hàng dệt may, hàng da giày, dầu thô, than đá, hàng điện tử và linh kiện, các mặt hàng cơ khí, hàng rau quả, hàng thủ công mỹ nghệ... và khai thác tốt các thị trường đã có, dự báo kim ngạch xuất khẩu 7 tháng cuối năm có khả năng đạt trung bình mỗi tháng 1,45 tỷ USD (bằng 95% trung bình của 5 tháng đầu năm); tính chung cả năm, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 18,2% tỷ USD, tăng 8,9% so với năm 2002 và vượt mức kế hoạch đề ra (kế hoạch là 7-7,5%), trong đó doanh nghiệp FDI đạt 5,3 tỷ USD, tăng 16,7%.

Kim ngạch nhập khẩu cả năm 2003 ước đạt 21,2 tỷ USD, tăng 7,4%, trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 7,3 tỷ USD, chiếm 34,4% kim ngạch nhập khẩu, tăng 10,9% so với cùng kỳ.

Về thu ngân sách, dự báo nguồn thu ngân sách nhà nước năm 2003 ước vượt khoảng 5% dự toán năm và tăng 9,2% so với ước thực hiện năm 2002; tỷ lệ huy động vào ngân sách đạt 21,3% GDP (năm 2002 đạt 22,2%). Tổng chi ngân sách nhà nước ước thực hiện tăng 11,8% so với ước thực hiện năm 2002 và tăng 4% so với dự toán năm. Nhờ thu ngân sách tăng khá nên một số khoảng chi sẽ được cải thiện.

Về đầu tư phát triển khả năng có thể thực hiện vốn đầu tư xã hội cả năm khoảng 217 nghìn tỷ đồng, bằng 35,6% GDP (kế hoạch là 35,2% GDP), tăng

18% so với năm 2002 và tăng 1% so với kế hoạch.

Tuy nhiên, tình trạng phân tán, dàn trải trong đầu tư vẫn tồn tại; tổng hợp bước đầu tình hình triển khai của các Bộ ngành và địa phương, số lượng dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tăng 25% so với năm 2002, trong đó các tỉnh và thành phố tăng hơn 40% và tình hình nợ đọng trong xây dựng cơ bản ngày càng lớn. Đặc biệt tình hình tạm ứng vốn một cách tràn lan; tình hình vay trước tư hệ thống kho bạc với khối lượng lớn, gây nên sức ép lớn khi cân đối vốn đầu tư và tổng mức đầu tư.

2. Dự báo khả năng thực hiện các chỉ tiêu trong lĩnh vực xã hội

Đối với công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, dự báo chỉ tiêu về giảm tỷ lệ sinh năm 2003 đạt khoảng 0,04%, bằng mức kế hoạch đề ra; quy mô dân số năm 2003 khoảng 80,75 triệu người; tốc độ tăng tự nhiên về dân số khoảng 1,3%.

Đối với lĩnh vực giải quyết việc làm, dự báo năm 2003 có khả năng thu hút được khoảng 1,45 triệu lao động, đạt 96,7% kế hoạch. Tỷ lệ thất nghiệp thành thị giảm từ 6,01% năm 2002 xuống còn khoảng 5,8% năm 2003; quỹ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn tương ứng tăng từ 75,4% lên khoảng 76,5%.

Đối với công tác xóa đói giảm nghèo, dự báo năm 2003 có khả năng giảm được khoảng 30 vạn hộ đói nghèo, đưa tỷ lệ hộ nghèo cả nước xuống còn 12,5%, đạt mục tiêu đề ra.

Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trong 7 tháng cuối năm sẽ có thêm 7 tỉnh đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở, nâng tổng số lên 19 tỉnh đạt chuẩn nay tính đến cuối năm 2003.

Đối với lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, dự báo tỷ lệ suy dinh dưỡng của

trẻ em dưới 5 tuổi có khả năng giảm từ 29,5% năm 2002 xuống còn 28% năm 2003; tỷ lệ chết của trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 42 phần nghìn năm 2002 xuống còn 40 phần nghìn năm 2003.

Tóm lại, dự báo thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế xã hội năm 2003 như sau:

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước đạt khoảng 7,3% (kế hoạch là 7,0 - 7,5%).

Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5,0% (kế hoạch là 5%);

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng khoảng 14,5 - 15% (kế hoạch là 14-14,5%).

Giá trị các ngành dịch vụ tăng khoảng 7% (kế hoạch cả năm là 7-7,2%).

Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 18,2 tỷ USD, tăng 8,9% (kế hoạch là 7,5 - 8%).

Thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng 217 nghìn tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2002 (kế hoạch là 215 nghìn tỷ đồng);

Tổng thu ngân sách dự báo đạt 9,2% so với năm 2002 và tăng 5,1% so với dự toán năm; tổng chi ngân sách tăng 11,7% so với năm 2002 và vượt 4% dự toán.

Chỉ số giá tiêu dùng tăng 5% (kế hoạch là không quá 5%).

Số tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở đến cuối năm 2003 là 19 tỉnh (tăng thêm 7 tỉnh so với cuối năm 2002).

Tạo việc làm mới cho khoảng 1,45 triệu lao động (kế hoạch là 1,5 triệu lao động);

Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 12,5% (kế hoạch cả năm là 12,5%);

Tỷ lệ sinh giảm 0,04% (kế hoạch là 0,04%).

Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống còn 28% (kế hoạch là 28%). □